

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Giám đốc	02 – 04
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	07 – 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 – 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 – 35

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

**Khái quát về Công ty**

Công ty cổ phần Đầu tư xây và lắp Dầu Khí Sài Gòn là Công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385 ngày 28 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh, trong đó điều chỉnh thay đổi gần nhất lần thứ 06 ngày 14 tháng 01 năm 2010.

Vốn điều lệ	350.000.000.000 VND	
Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	87.125.000.000	24,89%
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn	28.500.000.000	8,14%
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2.971.000.000	0,85%
Các cổ đông khác	231.404.000.000	66,12%
<b>Cộng</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại : (84-8) 39 301 980  
 Fax : (84-8) 39 301 982  
 E-mail : [info@pvcsq.com.vn](mailto:info@pvcsq.com.vn)  
 Mã số thuế : **0 3 0 5 8 5 8 3 8 5**

**Công ty con:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng	06A Ngô Thời Nhiệm, phường Tân Lập, TP. Nha Trang	73,78%

**Hoạt động chính của Công ty**

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát trắc địa công trình; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Hoạt động trang trí nội thất; Hoạt động đo đạc bản đồ; Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác; Tư vấn về môi trường;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.



**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty tiếp tục bị lỗ 19.284.897.058 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 664.289.683.942 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 352.170.475.597 VND. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty rất lớn.

Tuy nhiên, Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng khả năng thanh toán sẽ được cải thiện do Giám đốc đang dự kiến trình Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông về việc tăng vốn điều lệ cũng như đang tích cực thực hiện một loạt các giải pháp tổng thể liên quan đến việc tái cấu trúc nguồn vốn của Công ty. Theo đó Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

**Tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 35).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Chí Trung	Chủ tịch kiêm Giám đốc	26 tháng 10 năm 2012	-
Ông Trịnh Xuân Hùng	Phó Chủ tịch	26 tháng 10 năm 2012	-
Ông Trần Mạnh Dũng	Ủy viên	18 tháng 4 năm 2010	-
Ông Đỗ Mạnh Quân	Ủy viên	24 tháng 10 năm 2012	-
Ông Trần Đạo Đức	Ủy viên	01 tháng 10 năm 2012	-

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Bích Tư	Thành viên	14 tháng 3 năm 2011	-

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**Xác nhận của Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Giám đốc Công ty được yêu cầu:

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

**Ý kiến của Giám đốc**

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Phan Chí Trung**  
**Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016



Số: 14/2016/BCKT/PKF-HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp Dầu Khí Sài Gòn*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, được lập ngày 21 tháng 3 năm 2016, từ trang 07 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến trái ngược**

Chúng tôi đã không thể giám sát kiểm kê thực tế hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số lượng hàng tồn kho tại thời điểm trên.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi vẫn chưa thu thập được bằng chứng cho các khoản mục sau:





Các khoản mục	Số dư cuối năm	Thuyết minh
Phải thu khách hàng	45.926.080.999	V.2
Trả trước người bán	22.299.603.800	V.3
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	76.950.120.956	V.4
Các khoản phải thu khác	56.435.084.772	V.5
Phải trả người bán	158.186.682.618	V.14
Người mua trả tiền trước	52.896.194.410	V.15
Các khoản phải trả phải nộp khác	22.675.870.514	V.17

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận khoản tiền lãi phát sinh chậm trả tiền hàng cho khoản nợ của các nhà cung cấp với tổng số tiền là 14.112.973.734 VND theo biên bản xác nhận công nợ giữa các bên.

Ngoài ra, Công ty chưa xem xét lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khách hàng quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí dở dang của các công trình đã dừng thi công là 281.537.445.877 VND. Các công trình này đang chờ quyết toán và chúng tôi cũng chưa thu thập đầy đủ bằng chứng cho tỷ lệ dở dang của các công trình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015.

Do tình hình hoạt động của Công ty tiếp tục bị lỗ 19.284.897.058 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 664.289.683.942 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 352.170.475.597 VND. Trong đó, một số hợp đồng vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và chúng tôi chưa thu thập các thoả thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên. Các khoản phải trả nhà cung cấp đã có quyết định thi hành án và chúng tôi cũng chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc gia hạn các khoản nợ. Những sự kiện này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và do đó Công ty có thể không có khả năng thực hiện giá trị tài sản hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

#### Ý kiến kiểm toán trái ngược

Theo ý kiến chúng tôi, do tầm quan trọng của các vấn đề nêu ở “Cơ sở của ý kiến trái ngược”, Báo cáo tài chính hợp nhất không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**



**Trương Quang Trung - Giám đốc**  
Giấy Chứng nhận hành nghề kiểm toán  
số: 1752-2015-242-1

**Phạm Thị Anh Khoa - Kiểm toán viên**  
Giấy Chứng nhận hành nghề kiểm toán  
số: 1521-2015-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>488.297.144.306</b>	<b>495.836.354.634</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>16.321.560.284</b>	<b>1.239.015.399</b>
1. Tiền	111		1.321.560.284	1.239.015.399
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>174.014.282.200</b>	<b>189.953.339.284</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	49.061.861.424	40.562.410.491
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	22.299.603.800	22.367.610.345
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.4	76.950.120.956	80.546.127.592
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	56.741.835.647	46.477.190.856
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(31.039.139.627)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>292.431.681.714</b>	<b>296.769.320.637</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	292.431.681.714	296.769.320.637
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.529.620.108</b>	<b>7.874.679.314</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	332.545.373	4.687.952.969
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	688.910
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	5.197.074.735	3.186.037.435
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>128.811.380.610</b>	<b>372.187.726.828</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.584.000.000</b>	<b>4.589.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	4.584.000.000	4.589.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.346.087.024</b>	<b>217.972.760.716</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.803.594.596	8.341.168.558
<i>Nguyên giá</i>	222		32.282.909.369	31.987.658.459
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(28.479.314.773)	(23.646.489.901)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.542.492.428	209.631.592.158
<i>Nguyên giá</i>	228		23.896.770.800	223.667.216.800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(18.354.278.372)	(14.035.624.642)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>23.108.361.581</b>	<b>26.973.223.253</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		45.997.944.600	45.997.944.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(22.889.583.019)	(19.024.721.347)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>468.906.022</b>	<b>16.044.657.680</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		468.906.022	16.044.657.680
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>71.653.000.000</b>	<b>71.653.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253	V.12	71.653.000.000	71.653.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.881.845.540</b>	<b>20.996.289.770</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	7.881.845.540	20.996.289.770
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VII. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>11.769.180.443</b>	<b>13.958.795.409</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>617.108.524.916</b>	<b>868.024.081.462</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>923.087.474.422</b>	<b>1.104.375.977.928</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>840.467.619.903</b>	<b>1.022.405.744.720</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	200.894.061.164	200.967.095.190
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	52.901.747.410	53.003.498.422
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.407.959.540	1.331.352.267
4. Phải trả người lao động	314		620.920.922	1.040.702.433
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.579.034.565	4.222.458.245
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	465.125.939.237	508.927.455.729
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	114.481.762.947	252.456.988.316
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		456.194.118	456.194.118
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>82.619.854.519</b>	<b>81.970.233.208</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19	22.318.369.878	24.880.326.243
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	4.767.589.320	4.206.064.615
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	55.533.895.321	52.883.842.350
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(310.512.797.980)</b>	<b>(295.800.854.507)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>(310.512.797.980)</b>	<b>(295.800.854.507)</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	350.000.000.000	350.000.000.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	3.776.885.962	1.793.099.617
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.20	-	1.983.786.345
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	(664.289.683.942)	(649.577.740.469)
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(650.127.356.501)	(561.106.685.262)
11b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.162.327.441)	(88.471.055.207)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>4.533.848.474</b>	<b>59.448.958.041</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>617.108.524.916</b>	<b>868.024.081.462</b>



**Võ Phạm Như Nguyệt**  
Kế toán trưởng



**Phan Chí Trung**  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	242.783.324.344	27.650.603.421
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	242.783.324.344	27.650.603.421
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	255.348.457.066	30.076.075.547
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(12.565.132.722)	(2.425.472.126)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		210.271.329	10.219.599
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	(59.321.357.606)	55.164.977.555
Trong đó: chi phí lãi vay	23		58.398.778.547	55.164.977.555
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	55.150.402.839	17.958.812.807
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.183.906.627)	(75.539.042.889)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	6.651.392.053	4.062.088.751
12. Chi phí khác	32	VI.6	17.752.382.484	17.028.965.332
13. Lợi nhuận khác	40		(11.100.990.431)	(12.966.876.581)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(19.284.897.058)	(88.505.919.470)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(19.284.897.058)</u>	<u>(88.505.919.470)</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(4.572.953.585)	(34.864.263)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(14.711.943.473)	(88.471.055.207)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016



Võ Phạm Như Nguyệt  
Kế toán trưởng



Phan Chí Trung  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(19.284.897.058)</b>	<b>(88.505.919.470)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		13.125.079.269	13.638.938.971
- Các khoản dự phòng	03		31.039.139.627	(2.609.807.530)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	5.242.005.163	(835.145.535)
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	58.398.778.547	67.045.385.980
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>88.520.105.547</b>	<b>(11.266.547.584)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.650.790.709)	3.624.613.182
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.337.638.923	(2.591.499.012)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(93.794.855.992)	4.975.001.100
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		19.659.425.740	8.078.483.291
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.3	(58.398.778.547)	(1.596.563.153)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		521.746.141	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(59.805.508.896)</b>	<b>1.223.487.824</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(454.545.455)	(516.481.671)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		209.985.905.091	1.273.668.203
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		681.866.543	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>210.213.226.179</b>	<b>757.186.532</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	10.248.454.221	-	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(145.573.626.619)	(2.695.168.205)	(2.695.168.205)	(2.695.168.205)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(135.325.172.398)</b>	<b>(2.695.168.205)</b>	<b>(2.695.168.205)</b>	<b>(2.695.168.205)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>15.082.544.885</b>	<b>(714.493.849)</b>	<b>(714.493.849)</b>	<b>(714.493.849)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1.239.015.399</b>	<b>1.953.509.248</b>	<b>1.953.509.248</b>	<b>1.953.509.248</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>16.321.560.284</b>	<b>1.239.015.399</b>	<b>1.239.015.399</b>	<b>1.239.015.399</b>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

**Võ Phạm Như Nguyệt**  
Kế toán trưởng

**Phan Chí Trung**  
Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu Khí Sài Gòn là Công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385 ngày 28 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh, trong đó điều chỉnh thay đổi gần nhất lần thứ 06 ngày 14 tháng 01 năm 2010.

Vốn điều lệ 350.000.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 39 301 980

Fax : (84-8) 39 301 982

E-mail : info@pvcsng.com.vn

Mã số thuế : 0305858385

##### 2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát trắc địa công trình; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Hoạt động trang trí nội thất; Hoạt động đo đạc bản đồ; Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác; Tư vấn về môi trường;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

##### 3. Tổng số các công ty con: 01 (một) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 (một) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

##### 4. Danh sách công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng	06A Ngô Thời Nhiệm, phường Tân Lập, TP. Nha Trang	73,78%	73,78%



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

##### **5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

##### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính. Do ảnh hưởng thay đổi của việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư 200 so với quy định trước đây nên các thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay cũng đã được trình bày lại cho phù hợp với số liệu tương ứng của Thông tư 200.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các luồng thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (công ty mẹ) và Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến





## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

#### **7. Tài sản thuê hoạt động**

##### ***Công ty là bên cho thuê***

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

##### ***Công ty là bên đi thuê***

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **8. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.6.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong theo thời gian giao đất.

##### **Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### 10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 12. Chi phí trả trước dài hạn

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 13. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích

1-007  
TNH  
NAP  
ANH  
PHO  
MINH  
O CH



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

#### **14. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

#### ***Chi phí bảo hành công trình xây lắp***

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

#### **15. Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### **16. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử





## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

#### **19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

##### ***Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng***

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### **20. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

## 21. Tài sản tài chính

### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ gồm nhóm các khoản cho vay và khoản phải thu.

### ***Các khoản cho vay và khoản phải thu***

Các khoản cho vay và khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của các khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

##### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **23. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **24. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

### **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

#### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt	356.229.861	152.140.333
Tiền gửi ngân hàng	965.330.423	1.086.875.066
Các khoản tương đương tiền <sup>(1)</sup>	15.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>16.321.560.284</b>	<b>1.239.015.399</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang.

#### **2. Phải thu khách hàng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i></b>	<b>49.061.861.424</b>	<b>40.562.410.491</b>
Công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng	16.091.712.349	5.334.541.901
Công ty cổ phần đầu tư dầu khí Mỹ Phú	11.050.625.903	10.969.860.903
Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng Trung Ương	7.136.742.133	7.136.742.133
Công ty cổ phần thương mại Hàng Da	4.006.475.728	4.006.475.728
Ban quản lý dự án xây dựng Cung hữu nghị Việt Trung	1.807.658.600	1.807.658.600
Công ty cổ phần đầu tư dầu khí Nha Trang	1.305.961.700	1.305.961.700
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu Khí	1.019.658.962	1.019.658.962
Các khách hàng khác	6.643.026.049	8.981.510.564
<b>Cộng</b>	<b>49.061.861.424</b>	<b>40.562.410.491</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Trong đó, công nợ các bên liên quan:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	1.305.961.700	1.305.961.700
Công ty cổ phần Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	1.019.658.962	1.019.658.962
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Dầu khí IDICO	-	190.740.639
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	707.651.147

**3. Trả trước người bán**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>22.299.603.800</b>	<b>22.367.610.345</b>
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu Khí	9.983.266.306	9.983.266.306
Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vị Thanh	4.079.692.538	4.079.692.538
Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc, kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị A.R.T.E.C	1.451.955.415	1.451.955.415
Các nhà cung cấp khác	6.784.689.541	6.852.696.086
<b>Cộng</b>	<b>22.299.603.800</b>	<b>22.367.610.345</b>

Trong đó, công nợ với các bên liên quan:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	9.983.266.306	9.983.266.306
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và đô thị Dầu khí	378.000.000	378.000.000

**4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công trình chung cư cao cấp Phú Mỹ quận 7	53.194.545.454	53.194.545.454
Công trình PV Power Landmark An Phú quận 2	12.151.324.088	12.151.324.088
Công trình Ngô Gia Tự	5.545.454.545	5.545.454.545
Công trình 49 Lĩnh Nam	3.567.272.727	3.567.272.727
Các công trình khác	2.491.524.142	6.087.530.778
<b>Cộng</b>	<b>76.950.120.956</b>	<b>80.546.127.592</b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>56.741.835.647</b>	<b>46.477.190.856</b>
Tạm ứng	19.110.014.467	35.305.696.364
Ký quỹ ngắn hạn	29.000.000	401.380.725
Phải thu khác	37.602.821.180	10.770.113.767
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>4.584.000.000</b>	<b>4.589.000.000</b>
Ký quỹ dài hạn	4.584.000.000	4.589.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.325.835.647</b>	<b>51.066.190.856</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ Phần Đầu Tư Dầu Khí Mỹ Phú	Trên 3 năm	11.050.625.903	-	Trên 3 năm	11.050.625.903	11.050.625.903
Phải thu theo tiến độ hợp đồng Công trình chung cư cao cấp Phú Mỹ quận 7	Trên 3 năm	53.194.545.454	33.206.031.730	Trên 3 năm	53.194.545.454	53.194.545.454
<b>Cộng</b>		<b>64.245.171.357</b>	<b>33.206.031.730</b>		<b>64.245.171.357</b>	<b>64.245.171.357</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	111.246.116	-	111.246.116	-
Công cụ, dụng cụ	733.191.247	-	733.191.247	-
Chi phí SXKD dở dang <sup>(1)</sup>	281.537.445.877	-	285.875.084.800	-
Hàng hóa bất động sản	10.049.798.474	-	10.049.798.474	-
<b>Cộng</b>	<b>292.431.681.714</b>	<b>-</b>	<b>296.769.320.637</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Chi tiết các công trình xây dựng dở dang:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Khu đô thị Hậu Giang <sup>(1)</sup>	183.283.997.784	169.971.814.025
Dự án Chung cư cao cấp Phú Mỹ, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	40.842.338.417	40.842.338.417
Dự án PV Power Landmark An Phú, quận 2, TP. Hồ Chí Minh	17.744.541.947	17.744.541.947
Các dự án khác	39.666.567.729	57.316.390.411
<b>Cộng</b>	<b>281.537.445.877</b>	<b>285.875.084.800</b>

<sup>(1)</sup> Một số lô đất thuộc dự án trên đã bị phong tỏa theo quyết định của tòa án để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Xem thuyết minh V.18).**8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

Là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	1.818.821.818	24.457.076.633	4.593.733.904	659.990.153	458.035.951	31.987.658.459
Tăng trong năm	-	-	454.545.455	-	-	454.545.455
Thanh lý trong năm	(89.294.545)	-	-	-	(70.000.000)	(159.294.545)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.729.527.273</b>	<b>24.457.076.633</b>	<b>5.048.279.359</b>	<b>659.990.153</b>	<b>388.035.951</b>	<b>32.282.909.369</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	1.795.754.060	17.297.733.757	3.604.126.956	560.839.177	388.035.951	23.646.489.901
Khấu hao trong năm	23.067.758	3.948.809.255	898.696.080	51.546.324	19.444.450	4.941.563.867
Thanh lý trong năm	(89.294.545)	-	-	-	(19.444.450)	(108.738.995)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.729.527.273</b>	<b>21.246.543.012</b>	<b>4.502.823.036</b>	<b>612.385.501</b>	<b>388.035.951</b>	<b>28.479.314.773</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	23.067.758	7.159.342.876	989.606.948	99.150.976	70.000.000	8.341.168.558
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>3.210.533.621</b>	<b>545.456.323</b>	<b>47.604.652</b>	<b>-</b>	<b>3.803.594.596</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất có thời hạn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	23.896.770.800	14.035.624.642	9.861.146.158
Khấu hao trong năm	-	4.318.653.730	(4.318.653.730)
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.896.770.800</b>	<b>18.354.278.372</b>	<b>5.542.492.428</b>

**11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Là giá trị công trình tòa nhà tại 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	45.997.944.600	19.024.721.347	26.973.223.253
Khấu hao trong năm	-	3.864.861.672	(3.864.861.672)
<b>Số cuối năm</b>	<b>45.997.944.600</b>	<b>22.889.583.019</b>	<b>23.108.361.581</b>

Công trình tòa nhà trên đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Xem thuyết minh V.18).

**12. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác				
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang</i>	3.035.000	30.350.000.000	3.035.000	30.350.000.000
<i>Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí</i>	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
<i>Dự án chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10-11 Văn Phú</i>	-	34.303.000.000	-	34.303.000.000
<b>Cộng</b>		<b>71.653.000.000</b>		<b>71.653.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>332.545.373</b>	<b>4.687.952.969</b>
Công cụ dụng cụ	332.545.373	4.687.952.969
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>7.881.845.540</b>	<b>20.996.289.770</b>
Công cụ dụng cụ	7.881.845.540	15.009.096.735
Chi phí chờ phân bổ	-	5.987.193.035
<b>Cộng</b>	<b>8.214.390.913</b>	<b>25.684.242.739</b>

**14. Phải trả cho người bán**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>200.894.061.164</b>	<b>200.894.061.164</b>	<b>200.967.095.190</b>	<b>200.967.095.190</b>
Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	27.300.469.925	27.300.469.925	27.300.469.925	27.300.469.925
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	18.049.275.368	18.049.275.368	18.049.275.368	18.049.275.368
Công ty cổ phần Xây dựng và kinh doanh vật tư	11.920.033.539	11.920.033.539	11.920.033.539	11.920.033.539
Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển Công Nghệ Mới	7.465.135.126	7.465.135.126	7.465.135.126	7.465.135.126
Phải trả người bán khác	136.159.147.206	136.159.147.206	136.232.181.232	136.232.181.232
<b>Cộng</b>	<b>200.894.061.164</b>	<b>200.894.061.164</b>	<b>200.967.095.190</b>	<b>200.967.095.190</b>

**15. Người mua trả tiền trước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>52.901.747.410</b>	<b>53.003.498.422</b>
Công ty cổ phần Bất Động Sản Xây Lắp Dầu Khí Việt Nam	32.708.628.685	33.627.458.583
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí <sup>(*)</sup>	9.377.451.536	9.377.451.536
Công ty cổ phần PVI	4.587.850.523	4.587.850.523
Các khách hàng khác	6.227.816.666	5.410.737.780
<b>Cộng</b>	<b>52.901.747.410</b>	<b>53.003.498.422</b>

<sup>(\*)</sup> Công nợ các bên liên quan.**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Thuế GTGT hàng nội địa	670.131.656	4.197.965.624	(2.687.724.762)	2.180.372.518
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.186.037.435)	-	(2.011.037.300)	(5.197.074.735)
Thuế đất	228.675.807	-	(42.534.302)	186.141.505
Thuế thu nhập cá nhân	432.544.804	549.332.453	(940.431.740)	41.445.517
Các loại thuế khác	-	21.503.200	(21.503.200)	-
<b>Cộng</b>	<b>(1.854.685.168)</b>	<b>4.768.801.277</b>	<b>(5.703.231.304)</b>	<b>(2.789.115.195)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>465.125.939.237</b>	<b>508.927.455.729</b>
Kinh phí công đoàn	840.550.732	838.709.684
Các khoản bảo hiểm trích theo lương	8.218.976	65.262.680
Lãi vay phải trả	189.172.358.447	252.957.146.846
Lãi trả chậm	18.722.980.104	17.231.303.374
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - tiền chuyển nhượng dự án <sup>(1)</sup>	223.074.622.195	221.556.865.576
Phải trả phải nộp khác	33.307.208.783	16.278.167.569
<b>Dài hạn</b>	<b>4.767.589.320</b>	<b>4.206.064.615</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.767.589.320	4.206.064.615
<b>Cộng</b>	<b><u>469.893.528.557</u></b>	<b><u>513.133.520.344</u></b>

<sup>(1)</sup> Công nợ các bên liên quan.**18. Vay và nợ thuê tài chính**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>114.481.762.947</b>	<b>114.481.762.947</b>	<b>252.456.988.316</b>	<b>247.934.654.007</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN số 08	-	-	127.726.771.148	127.726.771.148
Ngân hàng TMCP Đại Dương <sup>(i)</sup>	99.912.312.503	99.912.312.503	105.638.432.415	105.638.432.415
Ngân hàng phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	14.569.450.444	14.569.450.444	14.569.450.444	14.569.450.444
Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam	-	-	4.522.334.309	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>55.533.895.321</b>	<b>55.533.895.321</b>	<b>52.883.842.350</b>	<b>52.883.842.350</b>
Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam <sup>(iii)</sup>	7.423.933.059	7.423.933.059	10.500.000.000	10.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương <sup>(iv)</sup>	48.109.962.262	48.109.962.262	42.383.842.350	42.383.842.350
<b>Cộng</b>	<b><u>170.015.658.268</u></b>	<b><u>170.015.658.268</u></b>	<b><u>305.340.830.666</u></b>	<b><u>300.818.496.357</u></b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0091/2011/HĐTD1-OCEANBANK03 ngày 12/10/2011; phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo thư bảo lãnh của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Số nợ gốc quá hạn: 99.912.312.503 đồng.

<sup>(ii)</sup> Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 148/10 ngày 30/08/2010 với hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng; Bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng nguồn thu từ hợp đồng số 02/HĐKT/2010/PVPLS-PVC ngày 12/04/2010 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp dầu khí Sài Gòn. Số nợ gốc quá hạn: 14.569.450.444 đồng.

Theo Quyết định số 222/QĐ-CCTHA của Chi cục Thi hành án dân sự quận 3 buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 148/10/HĐTDHM/NH ngày 30/08/2010 và phụ lục hợp đồng số 01/PL-HĐTD ngày



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21/04/2011 gồm số nợ gốc là 14.569.450.444 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 31/12/2015 là 12.405.295.772 đồng. tổng cộng là 26.974.746.216 đồng.

Lãi được tiếp tục tính trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 29/06/2013 theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong từng kế ước đã ký kết cho đến khi trả xong nợ gốc.

Nếu đến hạn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên thì Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh toàn bộ số tiền tương ứng do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn còn nợ chưa thanh toán.

(iii) Khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng số 0405/HMTD2-VIB625/10 ngày 22/04/2010; Thời hạn cho vay 60 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng một lần; Mục đích tài trợ một phần dự án đầu tư mua quyền sử dụng tòa nhà 11 Bis Nguyễn Gia Thiều. Tài sản thế chấp là tòa nhà tại 11 Bis Nguyễn Gia Thiều.

(iv) Khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng số 0063/2010/HDDTD1-OCEANBANK03 ngày 04/10/2010; Thời hạn cho vay 48 tháng; Lãi suất lần giải ngân đầu 15% và điều chỉnh 03 tháng 1 lần; Mục đích vay: đầu tư mua máy móc thiết bị. Tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị được hình thành từ vốn vay. Số dư cuối năm gồm cả khoản vay được chuyển từ PVFC sang theo Hợp đồng mua bán khoản nợ số 11/2012-HĐMBN-TCDK-CNHCM.QLTD ngày 30/08/2012.

Hợp đồng tín dụng số 18/2009/HDTD-TCDK-CNHCM.TD ngày 17/10/2009; lãi suất lần giải ngân đầu 15% và điều chỉnh 03 tháng 1 lần; mục đích vay: Mua lại khoản nợ từ Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí; Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành trong tương lai (giai đoạn 1) của Dự án Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3 Phường 5. thị xã Vị Thanh. tỉnh Hậu Giang. các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của bên vay. Chứng thư bảo lãnh thanh toán của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam cho bên vay.

#### Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	252.456.988.316	255.152.156.521
Tiền vay đã trả trong năm	(137.975.225.369)	(2.695.168.205)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>114.481.762.947</u></b>	<b><u>252.456.988.316</u></b>

#### Tình hình biến động các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	52.883.842.350	52.883.842.350
Chuyển vay dài hạn đến hạn trả về vay dài hạn	10.248.454.221	-
Tiền vay đã trả trong năm	(7.598.401.250)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>55.533.895.321</u></b>	<b><u>52.883.842.350</u></b>

#### 19. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền trả trước về cho thuê văn phòng	12.836.032.517	15.397.988.882
Tiền trả trước bán bất động sản	8.982.337.361	8.982.337.361
Doanh thu chưa thực hiện tại chi nhánh Hà Nội	500.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>22.318.369.878</u></b>	<b><u>24.880.326.243</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 20. Vốn chủ sở hữu

##### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	350.000.000.000	1.793.099.617	1.983.786.345	(561.106.685.262)	(207.329.799.300)
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	(88.471.055.207)	(88.471.055.207)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>1.793.099.617</b>	<b>1.983.786.345</b>	<b>(649.577.740.469)</b>	<b>(295.800.854.507)</b>
Số dư đầu năm nay	350.000.000.000	1.793.099.617	1.983.786.345	(649.577.740.469)	(295.800.854.507)
Lợi nhuận năm nay	-	1.983.786.345	(1.983.786.345)	(14.711.943.473)	(14.711.943.473)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>3.776.885.962</b>	<b>-</b>	<b>(664.289.683.942)</b>	<b>(310.512.797.980)</b>

##### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	87.125.000.000	24.89%
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn	28.500.000.000	8.14%
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2.971.000.000	0.85%
Các cổ đông khác	231.404.000.000	66.12%
<b>Cộng</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>100.00%</b>

##### *Cổ phiếu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

##### *Mục đích trích lập các quỹ*

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hoả hoạn...

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

##### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp	9.649.344.511	3.025.448.582
Doanh thu kinh doanh bất động sản	209.065.495.091	253.747.465
Doanh thu cho thuê nhà	17.564.084.942	16.887.221.552
Doanh thu khác	6.504.399.800	7.484.185.822
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>242.783.324.344</u></b>	<b><u>27.650.603.421</u></b>

Trong đó, doanh thu các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.513.904.013	543.335.621

##### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động xây lắp	18.911.113.550	11.380.606.618
Giá vốn hoạt động bất động sản	215.542.491.767	253.747.465
Giá vốn dịch vụ cho thuê nhà	15.094.885.685	12.063.255.882
Giá vốn khác	5.799.966.064	6.378.465.582
<b>Cộng</b>	<b><u>255.348.457.066</u></b>	<b><u>30.076.075.547</u></b>

##### 3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	58.398.778.547	55.164.977.555
Lãi vay được giảm <sup>(*)</sup>	(117.720.136.153)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(59.321.357.606)</u></b>	<b><u>55.164.977.555</u></b>

<sup>(\*)</sup> Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam miễn toàn bộ số lãi vay phát sinh đến ngày 09/12/2015 là 117.720.814.559 VND theo thông báo số 220/CV-CN8/2015 ngày 01/04/2015, thông báo số 469/CV-CN8/2015 ngày 18/8/2015, thông báo số 011/CV-CN8-PTH ngày 11/11/2015).

##### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.564.868.065	2.907.956.693
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.743.827.651	5.289.911.083
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.832.310.182	6.073.347.200
Chi phí dự phòng	31.039.139.627	618.967.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	590.876.365	-
Lợi thế thương mại phân bổ	2.189.614.966	2.189.614.966
Chi phí khác	5.189.765.983	879.015.649
<b>Cộng</b>	<b><u>55.150.402.839</u></b>	<b><u>17.958.812.807</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Thu nhập khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	920.410.000	1.273.668.203
Cấn trừ nợ gốc với lãi vay ngân hàng VIB	5.386.410.043	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	2.609.807.530
Thu nhập khác	344.572.010	178.613.018
<b>Cộng</b>	<b>6.651.392.053</b>	<b>4.062.088.751</b>

**6. Chi phí khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá trị còn lại của TSCĐ, công cụ thanh lý	1.823.175	649.927.006
Lãi chậm trả ngân hàng	5.597.292.197	11.880.408.425
Lãi chậm trả các nhà cung cấp	-	3.901.076.728
Phạt nộp chậm tiến độ công trình Vân Phong	5.971.252.038	-
Chi phí khác	6.182.015.074	597.553.173
<b>Cộng</b>	<b>17.752.382.484</b>	<b>17.028.965.332</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn	Cổ đông sáng lập
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cổ đông sáng lập
Công ty cổ phần Dầu khí Nha Trang	Công ty nhận vốn góp
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	Công ty nhận vốn góp

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.513.904.013	543.335.621
Lãi vay phát sinh	1.913.945.381	(19.456.948.483)
Nhận cung cấp dịch vụ	147.855.050	149.159.309
<b>Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	183.887.274
<b>Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	192.300.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính. công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam</b>		
Phải thu cung cấp dịch vụ	-	707.651.147
<b>Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn</b>		
Phải thu cung cấp dịch vụ	-	190.740.639
<b>Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí</b>		
Phải thu tiền ứng trước công trình xây lắp	378.000.000	378.000.000
<b>Công ty cổ phần Dầu khí Nha Trang</b>		
Phải thu cung cấp dịch vụ	1.305.961.700	1.305.961.700
<b>Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí</b>		
Phải thu cung cấp dịch vụ	1.019.658.962	1.019.658.962
Phải thu tiền ứng trước dịch vụ xây lắp	9.983.266.306	9.983.266.306
Phải thu chi phí dịch vụ	93.192.000	93.192.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>12.780.078.968</u></b>	<b><u>13.678.470.754</u></b>
<b>Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam</b>		
Phải trả tiền chuyển nhượng dự án	221.160.676.814	221.556.865.576
Phải trả nhận cung cấp xây lắp	-	1.019.209.025
Phải trả lãi vay	1.913.945.381	-
<b>Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí</b>		
Phải trả tiền ứng trước công trình xây lắp	9.377.451.536	9.377.451.536
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>232.452.073.731</u></b>	<b><u>231.953.526.137</u></b>

## 2. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty tiếp tục bị lỗ 19.284.897.058 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 664.289.683.942 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 352.170.475.597 VND. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty rất lớn.

Tuy nhiên. Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng khả năng thanh toán sẽ được cải thiện do Giám đốc đang dự kiến trình Hội đồng quản trị. Đại hội cổ đông về việc tăng vốn điều lệ cũng như đang tích cực thực hiện một loạt các giải pháp tổng thể liên quan đến việc tái cấu trúc nguồn vốn của Công ty. Theo đó Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

## 3. Quản lý rủi ro tài chính

### Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi bộ phận kế toán-tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Giám đốc phê duyệt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

##### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### **Tiền gửi ngân hàng**

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín. do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (Thuyết minh VII.4).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.321.560.284	-	16.321.560.284
Phải thu khách hàng	18.119.054.786	30.942.806.638	49.061.861.424
Đầu tư tài chính ngắn/dài hạn	71.653.000.000	-	71.653.000.000
Các khoản phải thu khác	25.169.169.834	36.156.665.813	61.325.835.647
<b>Cộng</b>	<b>131.262.784.904</b>	<b>67.099.472.451</b>	<b>198.362.257.355</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.239.015.399	-	1.239.015.399
Phải thu khách hàng	20.670.229.756	19.892.180.735	40.562.410.491
Đầu tư tài chính ngắn/dài hạn	71.653.000.000	-	71.653.000.000
Các khoản phải thu khác	41.672.297.934	9.393.892.922	51.066.190.856
<b>Cộng</b>	<b>135.234.543.089</b>	<b>29.286.073.657</b>	<b>164.520.616.746</b>

##### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	200.894.061.164	-	-	200.894.061.164
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.407.959.540	-	-	2.407.959.540
Phải trả người lao động	620.920.922	-	-	620.920.922
Phải trả khác	465.125.939.237	4.767.589.320	-	469.893.528.557
Chi phí phải trả	3.579.034.565	-	-	3.579.034.565
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	114.481.762.947	55.533.895.321	-	170.015.658.268
<b>Cộng</b>	<b>787.109.678.375</b>	<b>60.301.484.641</b>	<b>-</b>	<b>847.411.163.016</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	200.967.095.190	-	-	200.967.095.190
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.331.352.267	-	-	1.331.352.267
Phải trả người lao động	1.040.702.433	-	-	1.040.702.433
Phải trả khác	508.927.455.729	4.206.064.615	-	513.133.520.344
Chi phí phải trả	4.222.458.245	-	-	4.222.458.245
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	52.883.842.350	52.883.842.350	-	105.767.684.700
<b>Cộng</b>	<b>769.372.906.214</b>	<b>57.089.906.965</b>	<b>-</b>	<b>826.462.813.179</b>

Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là rất cao. Công ty nghi ngờ về khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền của hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### **Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.321.560.284	1.239.015.399	16.321.560.284	1.239.015.399
Phải thu khách hàng	49.061.861.424	40.562.410.491	18.119.054.786	20.670.229.756
Đầu tư tài chính ngắn/dài hạn	71.653.000.000	71.653.000.000	71.653.000.000	71.653.000.000
Các khoản phải thu khác	61.325.835.647	51.066.190.856	25.169.169.834	41.672.297.934
<b>Cộng</b>	<b>198.362.257.355</b>	<b>164.520.616.746</b>	<b>131.262.784.904</b>	<b>135.234.543.089</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	200.894.061.164	200.967.095.190	200.894.061.164	200.967.095.190
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.407.959.540	1.331.352.267	2.407.959.540	1.331.352.267
Phải trả người lao động	620.920.922	1.040.702.433	620.920.922	1.040.702.433
Phải trả khác	469.893.528.557	513.133.520.344	469.893.528.557	513.133.520.344
Chi phí phải trả	3.579.034.565	4.222.458.245	3.579.034.565	4.222.458.245
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	170.015.658.268	105.767.684.700	170.015.658.268	105.767.684.700
<b>Cộng</b>	<b>847.411.163.016</b>	<b>826.462.813.179</b>	<b>847.411.163.016</b>	<b>826.462.813.179</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

**5. Thay đổi chính sách kế toán**

Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 ảnh hưởng đến đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	46.075.810.131	46.477.190.856	(401.380.725)
Tài sản ngắn hạn khác	155	401.380.725	-	401.380.725
Phải thu dài hạn khác	216	-	4.589.000.000	(4.589.000.000)
Tài sản dài hạn khác	268	4.589.000.000	-	4.589.000.000

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

  
Võ Phạm Như Nguyệt  
Kế toán trưởng

  
Phan Chí Trung  
Giám đốc